

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HSST

Ngày 20- 05- 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

-Ông Ngô Văn Sang;

-Bà Phạm Hồng Thiêm.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 03 năm 2021 đối với bị cáo:

Đinh Xuân B1, sinh ngày 15 tháng 05 năm 1963; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ dân phố số xxx, thị trấn D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Đánh bắt hải sản; trình độ học vấn: lớp 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Đinh Xuân N1 (đã chết), họ tên mẹ: Nguyễn Thị N2 (đã chết); họ tên vợ: Nguyễn Thị H1, có 02 con (con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1992); tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 264 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 30- 12- 2020. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30- 11- 2020; hiện tại ngoại, có mặt.

-Bị hại: Chị Nguyễn Thị T2 (Tên gọi khác: Nguyễn Thị V1), sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn K1, xã T3, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

-Người làm chứng:

+Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ dân phố số xxx, thị trấn D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình- Là vợ bị cáo. Có mặt.

+ Chị Lê Thị H2, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn K1, xã T3, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

+Anh Bùi Minh D2, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T4, xã T5, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

+Ông Trần Đình N3, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn C1, xã N4, huyện H3, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+Ông Bùi Hữu C2, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn T6, xã H4, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị L1, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ dân phố số xxx, thị trấn D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bà H1- vợ bị cáo nợ tiền chị T2 nên buổi chiều ngày 01- 09- 2020, chị đến nhà bị cáo gặp bà để đòi tiền. Vì bà H1 chưa có tiền trả nên giữa chị T2 và vợ chồng bị cáo to tiếng cãi nhau. Biết bị cáo đã uống rượu buổi trưa nên mọi người can ngăn bằng cách đẩy chị T2 ra ngoài rồi đóng cổng lại. Từ ngoài cổng, chị T2 đứng chửi vào; bị cáo ở trong thấy vậy đã cầm 01 con dao chạy ra giật mở cổng, tiến lại chỗ chị T2 đứng. Chị T2 vẫn chửi bới thách thức, bị cáo dùng dao chém làm chị T2 bị thương. Mọi người can ngăn, giằng dao và đưa bị cáo vào nhà. Chị T2 được bà H1 đưa đi viện; được điều trị tại các Bệnh viện Đa khoa T1, Bệnh viện Đa khoa Thái Bình, Bệnh viện Việt Đức từ ngày 01- 09- 2020 đến ngày 10- 09- 2020. Xác định tại Bệnh viện Đa khoa T1 hồi 18 giờ 15 phút ngày 01- 09- 2020 về các dấu vết trên thân thể chị T2 có 01 vết thương tại vùng đầu trái (đỉnh chẩm trái) dài 7cm, bờ mép sắc gọn, sâu, sát xương sọ, kiểm tra có rách màng xương sọ, không thấy tổ chức não tại vết thương; 01 vết 1/3 giữa mặt sau ngoài cẳng tay phải dài 8cm, bờ mép sắc gọn, kiểm tra có đứt gân cơ; các ngón tay 3,4,5 không tự cất lên được, chưa thấy tổn thương xương; 01 vết phía ngoài đầu dưới xương trụ phải có một vết thương dài 2cm, bờ mép sắc gọn. Chưa phát hiện các tổn thương khác trên cơ thể. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 215/20/TgT ngày 09 tháng 11 năm 2020, Trung tâm pháp y- Sở Y tế Thái Bình đối với chị Nguyễn Thị T2: Thương tích vùng đầu, vùng tay phải do vật sắc tác động làm vỡ xương đỉnh trái, làm rách da, tổ chức dưới da, làm đứt cơ duỗi cổ tay quay ngấn, duỗi chung các ngón, duỗi ngón út, duỗi cổ tay trụ, dạng dài ngón cái, mẻ thân xương trụ cẳng tay phải. Đã được tiến hành mổ cắt lọc, khâu nối cơ đứt, khâu phục hồi bao khớp, dùng thuốc kháng sinh, giảm đau, bột cố định cánh cẳng bàn tay phải. Hiện tại (khi giám định): Còn đau đầu, đau nhức các vết sẹo, đặc biệt khi thay đổi thời tiết. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 17% (Mười bảy phần trăm).

Các chứng cứ chứng minh : Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an huyện T1 lập ngày 01- 09- 2020; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Biên bản xem xét dấu vết thân thể, Bệnh án, Đơn và lời khai bị hại là chị T2; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 215/20/TgT ngày 09- 11- 2020 của Trung tâm pháp y- Sở Y tế Thái Bình; Lời khai của bà H1 (vợ bị cáo) và những người làm chứng là chị H2, anh D2, ông N3, ông C2,

chị L1; các biên bản đối chất và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng là 01 con dao, loại dao một mặt lưỡi; hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 03 năm 2021.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Buổi trưa ngày 01- 09- 2020, bị cáo có sử dụng rượu tại nhà. Đến 15 giờ 30 cùng ngày, bị cáo đang ngủ thì nghe thấy tiếng cãi nhau ở hiên nhà nên tỉnh dậy, đi ra hiên. Tại đây, bị cáo thấy bà H1 (vợ bị cáo) và chị T2 đang cãi nhau về chuyện tiền. Bị cáo chửi và chị T2 cũng chửi lại; thấy vậy, ông C2, anh D2, ông N3 can ngăn và đẩy chị T2 ra ngoài rồi chốt then cổng lại. Do chị T2 đứng ở cổng nhà bị cáo chửi vào nên bị cáo bức xúc, đã cầm con dao ở góc tường rồi giật cổng chạy ra. Khi này, chị T2 vẫn đứng ngoài cổng, đối diện với bị cáo; bị cáo tiến tới, cầm dao tay phải chém liên tiếp vào người chị T2, không nhớ chém mấy nhát, không biết chém vào đâu. Ông C2, anh D2 chạy ra, giật dao, lôi và khóa tay bị cáo đưa vào trong nhà, đóng cổng lại. Sau đó, chị T2 được đưa đi bệnh viện. Bị cáo xác định toàn bộ thương tích của chị T2 là do một mình bị cáo dùng dao chém gây ra. Bị cáo đã bồi thường cho chị T2 số tiền 64.000.000đồng.

Bị hại là chị T2 trình bày: Hồi 15 giờ 30 phút ngày 01- 09- 2020, chị đến nhà bà H1 để đòi tiền, đã xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau với bà H1. Bị cáo B1 là chồng bà H1 đã chửi chị, cầm dao đuổi chị ra tới cổng nhà bị cáo, đã chém chị. Được mọi người can ngăn nên bị cáo vào nhà, khóa cổng lại; chị vẫn ở ngoài cổng chửi. Khoảng 5 đến 7 phút sau thì bị cáo từ trong nhà chạy ra giật cổng, dùng dao chém chị. Sau khi xảy ra sự việc, chị đã được bà H1 (vợ bị cáo) đưa đến sơ cứu tại Bệnh viện T1; sau đó điều trị tại Bệnh viện Thái Bình, Bệnh viện Việt Đức (Hà Nội), trở lại Bệnh viện Đa khoa Thái Bình; đến ngày 10- 09- 2020 thì xuất viện. Ngày 28- 09-2020, chị đến Bệnh viện Việt Đức để khám lại. Chị yêu cầu bồi thường chi phí cho hai đợt điều trị là 34.000.000đồng; (bà H1 trực tiếp thanh toán 25.000.000đồng; bà H1 đã bồi thường cho chị 9.000.000đồng); yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất 2.000.000đồng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 28.000.000đồng. Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho chị đủ 64.000.000đồng (gồm thanh toán chi phí đợt 1 là 25.000.000đồng; thanh toán chi phí đợt 2 là 9.000.000đồng và giao tiền mặt ngày 10- 10- 2020 là 30.000.000đồng. Chị không yêu cầu bồi thường chi phí để thực hiện phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giám sát; không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản nào khác. Chị đề nghị cho bị cáo hưởng án treo.

Bà H1 trình bày: Hồi 15 giờ 30 phút ngày 01- 09- 2020, chị T2 đến nhà bà để đòi tiền, giữa bà và chị đã xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Bị cáo B1 là chồng bà đã hai lần chạy ra chỗ chị T2 nhưng lần thứ nhất có cầm dao hay không, có chém chị T2 hay không thì bà không biết. Lần thứ hai bị cáo chạy ra sau lần thứ nhất khoảng dưới 10 phút; bị cáo cầm dao chạy ra giật cổng chém chị T2 còn chém như thế nào thì bà không biết. Ngay sau khi xảy ra sự việc, bà đã đưa chị T2 đi khám, điều trị, đã trực tiếp phục vụ chị T2, bà trực tiếp thanh toán tiền điều trị từ ngày 01- 09- 2020 đến 10- 09- 2020 là 25.000.000đồng. Bà và bị cáo

đã bồi thường cho chị T2 chi phí khám điều trị lần hai là 9.000.000đồng; đã bồi thường khoản khác là 30.000.000đồng; tổng là 64.000.000đồng. Các khoản này là của chung vợ chồng. Bà không yêu cầu bị cáo thanh toán tiền cho bà.

Người làm chứng là chị H2 trình bày: Chị là bạn chị T2; hồi 15 giờ 10 phút ngày 01- 09- 2020, chị cùng chị T2 đến nhà bị cáo B1; đến nơi thì chị T2 đi vào còn chị đứng ngoài ngõ. Chị thấy chị T2 và bị cáo to tiếng rồi chị T2 chạy ra ngoài cổng, bị cáo chạy sau, tay cầm dao. Khi ra ngoài cổng, giữa bị cáo và chị T2 giằng co, chị thấy bị cáo chém chị T2 nhưng không thấy máu. Được mọi người can ngăn, đẩy bị cáo vào nhà; chị T2 được đưa vào nhà bên cạnh. Khi bà H1 (vợ bị cáo) ra chốt cổng thì chị T2 chạy đến đứng trước cổng nhà bị cáo chửi. Bị cáo B1 cầm dao chạy từ trong nhà ra, giật bung khuy cài then cổng, tiến đến chỗ chị T2; chị T2 cũng tiến lại chỗ bị cáo. Hai bên xô đẩy nhau và bị cáo cầm dao chém chị T2. Sau đó, bị cáo đi về; chị T2 đi vào nhà bên cạnh, chị thấy chị T2 chảy máu ở đầu và tay.

Anh D2 trình bày: Hồi 15 giờ 30 phút ngày 01- 09- 2020, chị T2 đến nhà bị cáo B1, sau đó xảy ra mâu thuẫn với bà H1. Chị T2 và bị cáo xảy ra cãi chửi nhau. Mọi người đẩy chị T2 ra ngoài cổng, khóa cổng lại. Do chị T2 đứng ngoài cổng chửi nên bị cáo cầm dao chạy ra, giật cổng, chém chị T2. Anh cùng ông C2, anh N3 ra can ngăn. Bị cáo chỉ một lần cầm dao chém chị T2.

Ông C2, anh N3 đều xác định: Khi mọi người đẩy chị T2 ra ngoài cổng, đóng cổng lại thì chị T2 đứng ngoài cổng chửi nên bị cáo cầm dao chạy ra, giật cổng, chém chị T2. Bị cáo chỉ một lần cầm dao chém chị T2.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSTT ngày 12- 03- 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) của Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách: 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm. Đề nghị áp dụng: Điều 584, 585, 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự: Công nhận bị cáo bồi thường cho bị hại 64.000.000đồng. Tịch thu tiêu hủy con dao. Bị cáo phải chịu án phí hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều xác định: Do mâu thuẫn giữa vợ bị cáo và bị hại nên bị cáo đã dùng dao chém gây thương tích cho bị hại. Các thương tích của bị hại là do một mình bị cáo gây ra. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe người khác với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo sử dụng dao là “*hung khí nguy hiểm*” gây thương tích 17% cho bị hại nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Cố ý gây thương tích*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội phạm theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

đ) Có tổ chức;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;

i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 % đến 60%;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này....”.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, thành khẩn khai báo, bị hại cũng có lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Từ mâu thuẫn giữa vợ bị cáo với bị hại trong quan hệ dân sự, bị cáo không những không tìm cách xử sự phù hợp với pháp luật, với đạo đức mà lại gây thương tích cho người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người khác nên phải xử lý bằng hình sự. Bị cáo chưa bị kết án; chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng có thể giáo dục bị cáo thành người tốt và phòng ngừa tội phạm nói chung. Cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

-Chị T2 điều trị từ ngày 01- 09- 2020 đến 10- 09- 2020; khám lại ngày 28- 09- 2020 tại các Bệnh viện: Đa khoa T1, Đa khoa Thái Bình, Bệnh viện Việt Đức. Chị T2 yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí cho 2 đợt điều trị là 34.000.000đồng; yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất trong 10 ngày nằm viện là 2.000.000đồng (=200.000đồng/ ngàynằmviện x 10 ngày); khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 28.000.000đồng. Tổng cộng chị yêu cầu: 64.000.000đồng; ngoài ra không yêu cầu gì khác. Bị cáo và gia đình đã bồi thường chi phí điều trị đợt 1 bằng cách trực tiếp chi trả 25.000.000đồng; đã bồi thường chi phí điều trị lần hai 9.000.000đồng; đã bồi thường chi phí khác: 30.000.000đồng; cộng đã bồi thường: 64.000.000đồng. Tại phiên tòa, gia đình bị cáo và chị T2 đã thỏa thuận:

Bị cáo bồi thường cho chị T2 các khoản: Chi phí điều trị: 34.000.000đồng; thu nhập bị mất trong thời gian 10 ngày nằm viện 2.000.000đồng và khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 28.000.000đồng; cộng: 64.000.000đồng (Đã bồi thường xong). Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật Dân sự, cần công nhận sự thỏa thuận này.

[5]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Vật chứng là 01 con dao, loại dao một mặt lưỡi; hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 03 năm 2021. Đây là công cụ phạm tội, cần áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bị cáo đã bồi thường xong trước khi xét xử nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Xuân B1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 05 (Năm) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20 tháng 05 năm 2021.

-Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

3). Các vấn đề trong thi hành án treo:

3.1). -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện T1, tỉnh Thái Bình thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện T1, tỉnh Thái Bình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3.2). **Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách:** Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02

lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận: Bị cáo bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thị T2 (Tên gọi khác: Nguyễn Thị V1), sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Thôn K1, xã T3, huyện T1, tỉnh Thái Bình các khoản: Chi phí điều trị: 34.000.000đồng; thu nhập bị mất: 2.000.000đồng, bù đắp tổn thất tinh thần: 28.000.000đồng; cộng: 64.000.000đồng (Đã bồi thường xong).

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,000đồng án hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng